TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2021
V/v Xin ly hôn, giải quyết về con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mưng Niê.
2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà: Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc *Xin ly hôn, giải quyết về con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn HL, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Bình Tr, sinh năm 1983.
Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn HL, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (Anh Trần Bình Tr đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/12/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không cùng quan điểm sống, thường xuyên xung đột, cãi vã. Sau khi xảy ra mâu thuẫn thì anh Tr đã bỏ nhà đi, chị H không biết anh Tr ở đâu và không còn liên lạc được, từ đó đến nay chị H không có bất kỳ tin tức

gì của anh Tr. Chị H đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố anh Tr mất tích và được giải quyết theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện K về việc tuyên bố anh Tr mất tích. Đến nay chị H thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Tr.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh Tr có 02 con chung là cháu Trần Duy T, sinh ngày 10/01/2005 và Trần Thị Yến N sinh ngày 07/02/2007. Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Đặng Thị H ly hôn anh Trần Bình Tr.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Duy T, sinh ngày 10/01/2005 và Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/02/2007 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do bị đơn anh Trần Bình Tr đã bị tuyên bố mất tích nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét yêu cầu xin ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị H và anh Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/12/2004, trên cơ sở tự nguyện, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo chị H trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do hai bên không cùng quan điểm sống, thường xuyên xung đột, cãi vã. Sau khi xảy ra mâu thuẫn anh Tr đã bỏ đi từ đó đến nay. Tại Quyết định sơ thẩm về việc giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 20/4/2021, Tòa án nhân dân huyện K đã tuyên bố anh Trần Bình Tr mất tích. Đến nay chị H thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Tr là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự, Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Hiện nay 02 con chung là cháu Trần Duy T, sinh ngày 10/01/2005 và Trần Thị Yến N sinh ngày 07/02/2007. Từ khi anh Tr bỏ đi đến nay các con chung đều do chị H nuôi dưỡng, các con chung đều có ý kiến mong muốn được ở với chị H nên chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi là có căn cứ cần chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

Anh Trần Bình Tr được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Trần Bình Tr.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Duy T, sinh ngày 10/01/2005 và Trần Thị Yến N sinh ngày 07/02/2007 cho chị Đặng Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng vào giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đặng Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh Trần Bình Tr được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 60AA/2021/0003535 ngày 26/4//2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân